NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG QUÝ THẦY CÔ
VỀ DỰ GIỜ THĂM LỚP 6A3

Tuần 16

Bài 6: Phép chia hết hai số nguyên.

Quan hệ chia hết trong tập hợp số nguyên – Tiết 1

Thực hiện phép tính sau: (-54):27=?

Làm thế nào để tìm được thương trong phép chia hết một số nguyên cho một số nguyên?

PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN. QUAN HỆ CHIA HẾT TRONG TẬP HỢP SỐ NGUYÊN

- PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU
- PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN CÙNG DẤU
- QUAN HỆ CHIA HẾT

Bài 6: Phép chia hết hai số nguyên. Quan hệ chia hết trong tập hợp số nguyên

Tiết 1

I. PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU

1

a) Tìm số thích hợp cho $\boxed{?}$: Do $(-3).(-4) = 12$ nên $12:(-3) = \boxed{?}$.

Mẫu: Do $4.(-3) = -12$ nên $(-12):4 = -3$.

Giải

a) Do $(-3).(-4) = 12$ nên $12:(-3) = -4$.

b) So sánh $12:(-3)$ và $-(12:3)$.

Giải

b) Do $12:(-3) = -4$ và $-(12:3) = -4$ nên $12:(-3) = -(12:3)$.

I. PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU

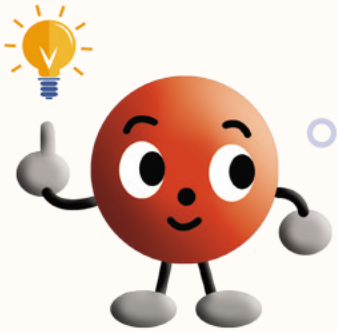

Để tìm thương $12 : (-3)$, *ta chỉ việc lấy* 12 *chia cho* 3 *rồi thêm dấu "–" trước kết quả, tức là:* $12 : (-3) = -(12 : 3) = -4$.

Để chia hai số nguyên khác dấu, ta làm như sau:

Bước 1. Bỏ dấu "–" trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại

Bước 2. Tính thương của hai số nguyên dương nhận được ở *Bước 1*

Bước 3. Thêm dấu "–" trước kết quả nhận được ở *Bước 2*, ta có thương cần tìm.

I. PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU

Ví dụ 1 Tính:

a) $(-24):3$;

b) $35:(-5)$.

Giải

I. PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU

Ví dụ 1 Tính:

a) $(-24):3$; b) $35:(-5)$.

Giải

a) $(-24):3 = -(24:3) = -8$.

b) $35:(-5) = -(35:5) = -7$.

I. PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU

Luyện tập:

Tính:

a) $36 : (-9)$;

b) $(-48) : 6$.

Giải

I. PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU

Luyện tập:

Tính:

a) $36:(-9)$; b) $(-48):6$.

Giải

a) $36:(-9) = -(36:9) = -4$.

b) $(-48):6 = -(48:6) = -8$.

II. PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN CÙNG DẤU

1. Phép chia hết hai số nguyên dương

Ta đã biết phép chia hết một số nguyên dương cho một số nguyên dương.
Chẳng hạn: $12:4=3$.

Hoạt động nhóm (5’)

Bài tập: Trong các câu sau câu nào đúng, câu nào sai

a) Tích hai số nguyên trái dấu luôn là một số nguyên dương ☐

b) Tích hai số nguyên trái dấu luôn bằng 0 ☐

c) Tích hai số nguyên dương luôn là một số nguyên dương. ☐

Bài toán: Vận dụng liên hệ thực tế:
Lớp 6A có 36 học sinh cô giáo muốn chia đều số học sinh này thành 4 tổ. Hỏi mỗi tổ có bao nhiêu học sinh?

Hoạt động Nhóm: (5’)

Bài tập: Trong các câu sau câu nào đúng, câu nào sai

a) Thương hai số nguyên trái dấu luôn là một số nguyên dương S

b) Thương hai số nguyên trái dấu luôn bằng 0 S

c) Thương hai số nguyên dương luôn là một số nguyên dương. Đ

Bài toán: Vận dụng liên hệ thực tế

Trả lời: Số học sinh mỗi tổ có được là?

36:4=9 (học sinh)

Đáp số: 9 (học sinh)

CUNG THỦ

Câu 1: Kết quả của phép tính $(-45):5$ là

-9

9

Câu 2: Kết quả của phép tính $56 : (-7)$ là

−8

8

Câu 3: So sánh$36:(-6)$ và 0

$36:(-6) > 0$

$36:(-6) < 0$

Câu 4: Tìm số nguyên x, biết $(-3).x = 36$

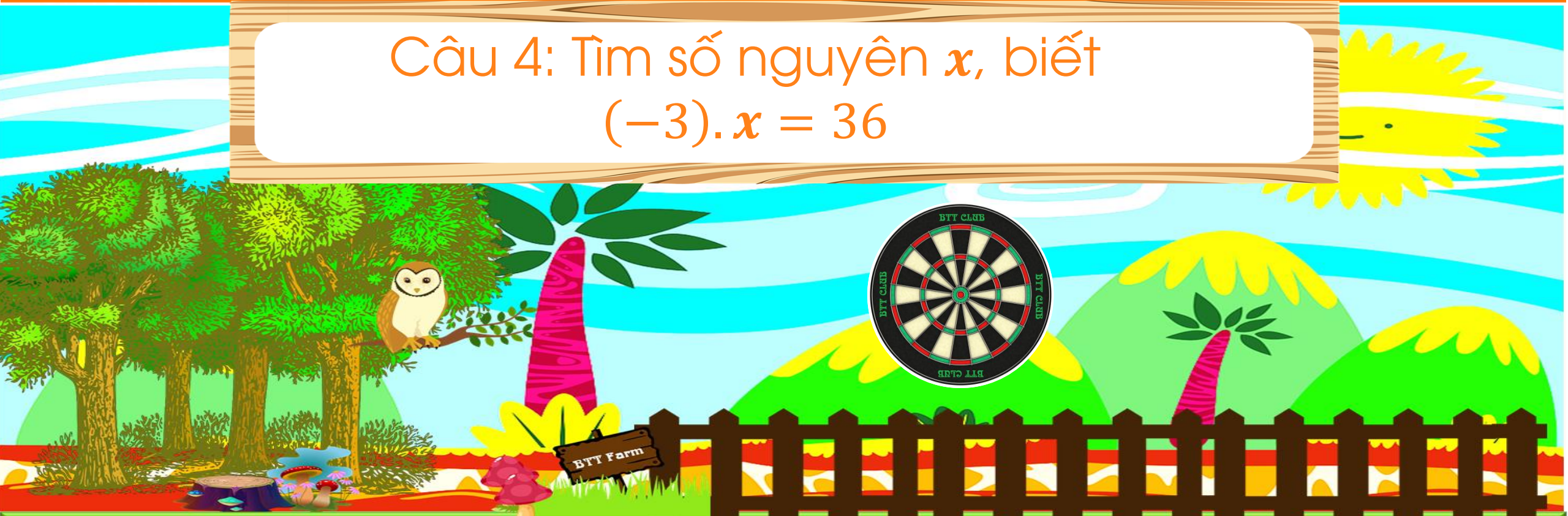

$x = -12$

$x = 12$

Câu 5: Kết quả của phép tính 75 : 25 là

3

50

Tiết học kết thúc,xin trân thành cảm ơn quý thầy cô và các em học sinh